

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**
Ngành đào tạo: **Tài chính – Ngân hàng**
Tên tiếng Anh: **Finance - Banking**
Mã ngành: **8340201**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

Bình Định, 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1611 /QĐ-ĐHQN ngày 26 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng
Tên tiếng Anh: Finance - Banking
Mã ngành: 8340201
Hình thức đào tạo: Chính quy
Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng cung cấp cho học viên kiến thức toàn diện, chuyên sâu và cập nhật về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp để phát hiện và xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động nghề nghiệp một cách khoa học, hiệu quả và qua đó khơi dậy năng lực làm việc độc lập, sáng tạo của học viên. Chương trình nhằm hướng đến đào tạo học viên có chuyên môn cao và có khả năng trở thành nhà quản lý, nhà lãnh đạo các doanh nghiệp, ngân hàng trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Nâng cao kiến thức về kinh doanh, quản lý và kiến thức tổng hợp về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

+ PO2: Trang bị kiến thức nâng cao và chuyên sâu theo từng chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng như: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng thương mại, Tài chính công, Bảo hiểm, Đầu tư tài chính, Quản trị rủi ro,...

+ PO3: Nâng cao các kiến thức cập nhật thực tiễn về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại Việt Nam và trên thế giới.

- Về kỹ năng

+ PO4: Phát triển các kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp như: kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin về tài chính ngân hàng để phát hiện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

+ PO5: Phát triển khả năng truyền đạt tri thức, kỹ năng thảo luận các vấn đề thực tiễn với nhà chuyên môn hoặc với người cùng ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn, xử

lý các tình huống trong lĩnh vực ngành Tài chính – Ngân hàng.

+ PO6: Nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường cạnh tranh.

+ PO8: Có năng lực lập kế hoạch, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn tại các tổ chức.

+ PO9: Có khả năng đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, đồng thời có thể bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn đó.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng định hướng ứng dụng:

- Trở thành nhà quản lý đối với lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu để giảng dạy chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng ở các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp; học bổ sung một số phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

1) PLO1: Vận dụng kiến thức, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học một cách có tư duy, logic trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

2) PLO2: Phân tích và đánh giá được các lý thuyết tài chính, ngân hàng chuyên sâu để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn và nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

3) PLO3: Vận dụng các kiến thức cập nhật trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng để giải quyết vấn đề thực tiễn một cách sáng tạo và đưa ra các giải pháp phù hợp.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng chung

4) PLO4: Phân tích, tổng hợp, phản biện, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học và toàn diện.

5) PLO5: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

6) PLO6: Phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

- Kỹ năng chuyên môn

7) PLO7: Tổ chức, hướng dẫn, quản trị, nghiên cứu các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng.

8) PLO8: Tổng hợp, truyền đạt, phổ biến được tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng và khác ngành.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có khả năng đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

10) PLO10: Có khả năng độc lập trong nghiên cứu, tự học hỏi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Tài chính – Ngân hàng.
- Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: Thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402) trong Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn.

Bảng danh mục các ngành đại học phù hợp và học phần bổ sung kiến thức:

- Các ngành phù hợp bao gồm:

STT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp
1	TC-NH	Tài chính – Ngân hàng
2	TC-NH	Bảo hiểm
3	TC-NH	Công nghệ tài chính

- Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành không thuộc ngành phù hợp của nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402) thì cần phải bổ sung kiến thức. Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức và học phần cần học bổ sung kiến thức bao gồm:

STT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung	Ghi chú
1	TC-NH	Quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp căn bản	Tùy trường hợp cụ thể
2	TC-NH	Marketing		
3	TC-NH	Bất động sản		
4	TC-NH	Kinh doanh quốc tế		
5	TC-NH	Kinh doanh thương mại		
6	TC-NH	Thương mại điện tử		
7	TC-NH	Kinh doanh thời trang và dệt		

		may		Khoa đề xuất học phần bổ sung kiến thức
8	TC-NH	Kế toán		
9	TC-NH	Kiểm toán		
10	TC-NH	Khoa học quản lý		
11	TC-NH	Quản lý công		
12	TC-NH	Quản trị nhân lực		
13	TC-NH	Hệ thống thông tin quản lý		
14	TC-NH	Quản trị văn phòng		
15	TC-NH	Quan hệ lao động		
16	TC-NH	Quản lý dự án		
17	TC-NH	Các ngành còn lại trong Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (trừ nhóm ngành thuộc mã 73402)	- Tiền tệ - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp căn bản - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô	
18	TC-NH	Những ngành khác thì xem xét từng trường hợp		

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: *60 tín chỉ* (bao gồm *06 tín chỉ* thực tập và *09 tín chỉ* Đề án thạc sĩ)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	8
Phần kiến thức cơ sở và ngành	43
Các học phần bắt buộc	31
Các học phần tự chọn	12
Đề án thạc sĩ	9
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án thạc sĩ đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<p>* <i>Đánh giá chuyên cần: tích cực tham dự lớp học.</i></p> <p>* <i>Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p> <p>* <i>Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần.</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo, bài tập lớn theo quy định chi tiết trong M4 của học phần.</i></p> <p>* <i>Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p>	30%	40%	50%
2	Cuối kỳ	<p><i>Thi kết thúc học phần</i></p> <p>* <i>Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p> <p>* <i>Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch/tiểu luận</i></p> <p>- <i>Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài theo yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</i></p>	70%	60%	50%

- Học phần Thực tập chuyên môn

Điểm đánh giá học phần thực tập chuyên môn do 2 giảng viên chấm dựa trên quá trình thực tập và nội dung bài báo cáo của học viên. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

- Đề án thực sĩ

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức				Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT	TH			
I. Phần kiến thức chung					8						
1	TCNH	83401	Triết học	1	2	2				LLCT-L & QLNN	
2	TCNH	83402	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính – ngân hàng	1	3	1	1	1		TC-NH & QTKD	
3	TCNH	83403	Kinh tế quản lý	1	3	2	1			TC-NH & QTKD	
II. Phần kiến thức cơ sở và ngành					43						
<i>II.1. Phần bắt buộc</i>					<i>31</i>						
4	TCNH	83404	Quản trị chiến lược	1	3	2	1			TC-NH & QTKD	
5	TCNH	83405	Quản trị tài chính công ty	2	3	2	1			TC-NH & QTKD	
6	TCNH	83406	Quản trị ngân hàng hiện đại	2	3	2	1			TC-NH & QTKD	
7	TCNH	83407	Tài chính công	2	2	1	1			TC-NH & QTKD	
8	TCNH	83408	Marketing dịch vụ tài chính	2	2	1	1			TC-NH & QTKD	
9	TCNH	83409	Quản trị rủi ro tài chính	2	2	1	1			TC-NH & QTKD	
10	TCNH	83410	Tài chính quốc tế	2	2	1	1			TC-NH & QTKD	
11	TCNH	83411	Thực tập chuyên môn 1	2	3					TC-NH & QTKD	
12	TCNH	83412	Đầu tư tài chính	3	3	1	1	1		TC-NH	

											&QTKD
13	TCNH	83413	Phân tích tài chính	3	3	2	1				TC-NH &QTKD
14	TCNH	83414	Thực tập chuyên môn 2	3	3						TC-NH &QTKD
15	TCNH	83415	Tài chính bền vững	3	2	1		1			TC-NH &QTKD
II.2. Phần tự chọn				12							
Tự chọn 1: Chọn 3 trong 5 học phần				6							
16	TCNH	83416	Lãnh đạo	1	2	1	1				TC-NH &QTKD
17	TCNH	83417	Quản trị trải nghiệm khách hàng	1	2	1	1				TC-NH &QTKD
18	TCNH	83418	Tài chính khởi nghiệp	1	2	1	1				TC-NH &QTKD
19	TCNH	83419	Quản lý kinh doanh bảo hiểm	1	2	1	1				TC-NH &QTKD
20	TCNH	83420	Phân tích dữ liệu tài chính	1	2	1	1				Toán & Thống kê
Tự chọn 2: Chọn 3 trong 5 học phần				6							
21	TCNH	83421	Ngân hàng Trung ương	3	2	1	1				TC-NH &QTKD
22	TCNH	83422	Kế toán quản trị	3	2	1	1				Kinh tế & Kế toán
23	TCNH	83423	Quản trị dòng tiền	3	2	1	1				TC-NH &QTKD
24	TCNH	83424	Định giá doanh nghiệp	3	2	1	1				TC-NH &QTKD
25	TCNH	83425	Fintech	3	2	1	1				TC-NH &QTKD
III. Đề án				9							
26	TCNH	83426	Đề án thạc sĩ	4	9						TC-NH &QTKD
Tổng cộng				60							

Bảng Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

STT	Tên HP	PLOs									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Triết học	X		X					X	X	X
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính – ngân hàng	X	X	X	X	X		X	X	X	X

3	Kinh tế quản lý	X		X	X		X	X	X	X	X
4	Quản trị chiến lược	X	X	X	X			X	X	X	X
5	Quản trị tài chính công ty	X	X	X	X			X	X	X	X
6	Quản trị ngân hàng thương mại	X	X	X	X			X	X	X	X
7	Tài chính công				X			X	X	X	X
8	Marketing dịch vụ tài chính	X	X	X	X		X	X	X	X	X
9	Quản trị rủi ro tài chính	X	X	X	X			X	X	X	X
10	Tài chính quốc tế	X	X	X	X			X	X	X	X
11	Thực tập chuyên môn 1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	Đầu tư tài chính	X	X	X	X			X	X	X	X
13	Phân tích tài chính	X	X	X	X			X	X	X	X
14	Thực tập chuyên môn 2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
15	Tài chính bền vững	X	X	X	X			X	X	X	X
16	Lãnh đạo	X		X				X	X	X	X
17	Quản trị trải nghiệm khách hàng	X	X	X	X		X	X	X	X	X
18	Tài chính khởi nghiệp	X	X	X	X			X	X	X	X
19	Quản lý kinh doanh bảo hiểm	X	X	X	X			X	X	X	X
20	Phân tích dữ liệu tài chính	X	X				X			X	X
21	Ngân hàng Trung ương	X	X	X	X			X		X	X
22	Kế toán quản trị			X			X	X	X	X	X
23	Quản trị dòng tiền	X	X	X	X			X	X	X	X
24	Định giá doanh nghiệp	X	X	X	X			X	X	X	X
25	Fintech	X		X	X		X			X	X
26	Đề án thạc sĩ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung				7	8	0	0	0		
1	TCNH	83401	Triết học	2	2				TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy PGS. TS. Đoàn Thế Hùng	LLCT-L & QLNN
2	TCNH	83402	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính - ngân hàng	3	3				TS. Kiều Thị Hương TS. Phạm Thị Hương	TC-NH & QTKD
3	TCNH	83403	Kinh tế quản lý	3	3				TS. Đặng Thị Thanh Loan TS. Nguyễn Thị Kim Ánh	TC-NH & QTKD
II. Kiến thức cơ sở và ngành				44	9	17	17	9		
II.1. Bắt buộc				32	3	17	11	9		

4	TCNH	83404	Quản trị chiến lược	3	3				PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ TS. Nguyễn Chí Tranh TS. Nguyễn Thị Hạnh	TC-NH & QTKD
5	TCNH	83405	Quản trị tài chính công ty	3		3			TS. Phan Trọng Nghĩa TS. Trần Thị Diệu Hương	TC-NH & QTKD
6	TCNH	83406	Quản trị ngân hàng hiện đại	3		3			TS. Nguyễn Hoàng Phong PGS. TS. Phạm Thị Bích Duyên	TC-NH & QTKD
7	TCNH	83407	Tài chính công	2		2			TS. Lê Việt An TS. Phan Thị Quốc Hương	TC-NH & QTKD
8	TCNH	83408	Marketing dịch vụ tài chính	2		2			TS. Lê Dzu Nhật TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo	TC-NH & QTKD
9	TCNH	83409	Quản trị rủi ro tài chính	2		2			TS. Trần Thị Thanh Diệu TS. Nguyễn Hoàng Phong	TC-NH & QTKD
10	TCNH	83410	Tài chính quốc tế	2		2			TS. Phạm Thị Thúy Hằng TS. Trần Thị Diệu Hương	TC-NH & QTKD
11	TCNH	83411	Thực tập chuyên môn 1	3		3			Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH & QTKD
12	TCNH	83412	Đầu tư tài chính	3			3		TS. Phan Thị Quốc Hương TS. Nguyễn Hữu Trúc	TC-NH & QTKD
13	TCNH	83413	Phân tích tài chính	3			3		TS. Trần Thị Diệu Hương TS. Đặng Hồng Vương	TC-NH & QTKD
14	TCNH	83414	Thực tập chuyên môn 2	3			3		Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH & QTKD
15	TCNH	83415	Tài chính bền vững	2			2		PGS. TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Trần Thanh Phong	TC-NH & QTKD
II.2. Phần tự chọn				12	6	0	6			
<i>Tự chọn 1: Chọn 3 trong 5 học phần</i>				6	6					
16	TCNH	83416	Lãnh đạo	2	2				TS. Trịnh Thị Thúy Hồng PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ	TC-NH & QTKD
17	TCNH	83417	Quản trị trải nghiệm khách hàng	2	2				TS. Phạm Trần Trúc Viên TS. Vũ Thị Nữ	TC-NH & QTKD
18	TCNH	83418	Tài chính khởi nghiệp	2	2				TS. Vũ Thị Nữ TS. Phạm Trần Trúc Viên	TC-NH & QTKD
19	TCNH	83419	Quản lý kinh doanh bảo hiểm	2	2				TS. Phạm Thị Hương TS. Đặng Hồng Vương	TC-NH & QTKD
20	TCNH	83420	Phân tích dữ	2	2				TS. Cao Tấn Bình	Toán &

			liệu tài chính					TS. Lâm Thị Thanh Tâm	Thống kê	
<i>Tự chọn 2: Chọn 3 trong 5 học phần</i>				6			6			
21	TCNH	83421	Ngân hàng Trung ương	2			2	TS. Trịnh Thị Thúy Hồng TS. Lê Việt An	TC-NH & QTKD	
22	TCNH	83422	Kế toán quản trị	2			2	PGS.TS Trần Thị Cẩm Thanh TS. Lê Văn Tân	Kinh tế & Kế toán	
23	TCNH	83423	Quản trị dòng tiền	2			2	TS. Trần Thanh Phong TS. Phan Thị Quốc Hương	TC-NH & QTKD	
24	TCNH	83424	Định giá doanh nghiệp	2			2	TS. Nguyễn Hữu Trúc TS. Phan Trọng Nghĩa	TC-NH & QTKD	
25	TCNH	83425	Fintech	2			2	TS. Phạm Thị Thúy Hằng TS. Trần Thị Thanh Diệu	TC-NH & QTKD	
III. Đề án				9	0	0	0	9		
26	TCNH	83426	Đề án thạc sĩ	9				9	Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH & QTKD
Tổng cộng				60						

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2023 cho học viên cao học ngành Tài chính – Ngân hàng.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý ngành đào tạo phối hợp với Khoa quản lý học phần tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trưởng khoa quản lý ngành đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển chương trình đào tạo nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật theo các quy định hiện hành nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành Tài chính – Ngân hàng và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

Bình Định, ngày 26 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ